

Số: ~~1093~~/QĐ-UBND

Bình Định, ngày ~~29~~ tháng 3 năm 2017

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động  
tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 6/4/2011 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Viễn thông, trong đó có quy định quy hoạch, thiết kế, xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 32/2012/QĐ-TTg ngày 27/07/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 54/2009/QĐ-TTg ngày 14/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;

Căn cứ Thông báo số 135-KL/TU ngày 13/01/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 17 /TTr-STTTT ngày 02/03/2017,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 với các nội dung chủ yếu sau:

#### **I. QUAN ĐIỂM**

1. Phát triển hạ tầng viễn thông thụ động đồng bộ, phù hợp với quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, quy hoạch của các ngành, đảm bảo phục vụ tốt công tác an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân theo Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2016 – 2020.

2. Phát triển hạ tầng viễn thông thụ động ứng dụng các công nghệ mới, đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

3. Phát triển hạ tầng viễn thông thụ động chủ yếu theo hướng dùng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp, tiết kiệm nguồn vốn đầu tư. Các doanh nghiệp cùng đầu tư một lần và sử dụng chung cơ sở hạ tầng, doanh nghiệp không tham gia đầu tư khi muốn sử dụng chung cơ sở hạ tầng phải thuê lại hạ tầng với mức giá được quy định trên cơ sở Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT và các quy định khác có liên quan.

4. Phát triển hạ tầng mạng viễn thông đi đôi với sử dụng hiệu quả hạ tầng mạng lưới; đảm bảo mỹ quan đô thị, đảm bảo cảnh quan kiến trúc các công trình lịch sử, văn hóa; đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn chất lượng.

5. Tạo điều kiện thuận lợi cho mọi doanh nghiệp tham gia thị trường; xây dựng phát triển hạ tầng mạng lưới. Tạo lập thị trường cạnh tranh, phát triển lành mạnh, bình đẳng. Xã hội hóa trong xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông thụ động.

## **II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có công nghệ hiện đại, có độ bao phủ rộng khắp trên địa bàn tỉnh với chất lượng cao, hoạt động hiệu quả, đảm bảo an toàn và an ninh trong tình hình mới, đồng thời phải đáp ứng yêu cầu phục vụ bảo vệ cảnh quan, môi trường tại các đô thị.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ, phù hợp với sự phát triển hạ tầng viễn thông của cả nước.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- *Mục tiêu đến năm 2020:*

+ Phát triển Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng tại các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển; khu vực trung tâm các huyện, thị xã, thành phố, khu vực có lượng khách hàng lớn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người sử dụng.

+ Phủ sóng thông tin di động đến 100% khu vực dân cư trên địa bàn tỉnh.

+ Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động đạt 30%.

+ Thực hiện cải tạo, chuyển đổi 25 – 30 % hệ thống cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động cột ăng ten loại công kênh (A2) sang loại cột ăng ten không công kênh (A1) theo hướng thân thiện môi trường, đảm bảo mỹ quan đô thị tại các khu vực, tuyến đường chính tại thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn và trung tâm các huyện.

+ Ngầm hóa trên 80% hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tại khu vực các tuyến đường, phố, khu đô thị, khu công nghiệp xây dựng mới.

+ Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường, phố đạt 10 – 15% (chỉ tính các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và đường đô thị; không tính đến hệ thống đường xã, đường thôn, xóm).

+ Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường khu vực đô thị đạt 35 – 40% (chỉ tính các tuyến đường nằm trong khu vực đô thị).

+ Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột treo cáp đạt trên 85%.

+ Hoàn thiện cải tạo hạ tầng mạng cáp (cáp treo trên cột điện lực, cột viễn thông) tại các khu vực, tuyến đường, phố chính tại thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, khu vực trung tâm các huyện và khu vực các khu du lịch, khu di tích.

- *Mục tiêu đến năm 2025:*

+ Phát triển các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng kết hợp với các hình thức thanh toán cước viễn thông, cước Internet, điện thoại, điện, nước tự động..., điểm tra cứu thông tin công cộng, điểm truy nhập Internet không dây công cộng: phục vụ phát triển du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người sử dụng.

+ Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động đạt 50%.

+ Thực hiện cải tạo, chuyển đổi 45 – 50 % hệ thống cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động cột ăng ten loại công kênh (A2a) sang loại cột ăng ten không công kênh (A1) theo hướng thân thiện môi trường, đảm bảo mỹ quan đô thị tại các khu vực, tuyến đường chính tại thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn và trung tâm các huyện.

+ Ngầm hóa hầu hết hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tại khu vực các tuyến đường, phố, khu đô thị, khu công nghiệp xây dựng mới.

+ Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường, phố đạt 25 – 30% (chỉ tính các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và đường đô thị; không tính đến hệ thống đường xã, đường thôn, xóm).

+ Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường khu vực đô thị đạt 55 – 60% (chỉ tính các tuyến đường nằm trong khu vực đô thị).

+ Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột treo cáp đạt trên 90%.

+ Hoàn thiện cải tạo hạ tầng mạng cáp (cáp treo trên cột điện lực, cột viễn thông) tại các khu vực, tuyến đường, phố trên địa bàn toàn tỉnh.

### **III. NỘI DUNG QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2020**

#### **1. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng**

##### ***a) Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ***

- Duy trì các Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ hiện trạng, đồng thời nâng cấp các thiết bị viễn thông tại các điểm giao dịch này. Phát triển mới điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ tại các khu vực trung tâm thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn; huyện Tuy Phước, Phù Mỹ, Phù Cát, Hoài Nhơn, Hoài Ân và Tây Sơn; khu vực được phát triển thành thị xã, thị trấn mới, xây dựng đô thị mới, phát triển công nghiệp, xây

dựng trung tâm thương mại, phát triển du lịch, dịch vụ, tập trung đông người sử dụng dịch vụ.

- Giai đoạn đến 2020, quy hoạch phát triển mới 34 Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ trên địa bàn tỉnh Bình Định, cụ thể: Thành phố Quy Nhơn (10 điểm), thị xã An Nhơn (4 điểm), huyện Hoài Nhơn (4 điểm), huyện Phù Mỹ (2 điểm), huyện Phù Cát (5 điểm), huyện Tuy Phước (2 điểm), huyện Hoài Ân (1 điểm), huyện Tây Sơn (2 điểm), huyện An Lão (1 điểm), huyện Vân Canh (2 điểm), huyện Vĩnh Thạnh (1 điểm).

***b) Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ***

Không quy hoạch phát triển mới

**2. Quy hoạch cột ăng ten**

a) Cột ăng ten không công kênh A1a, A1b: Quy hoạch phát triển hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động tại khu vực đô thị, khu vực yêu cầu cao về mỹ quan.

- Khu vực đô thị, khu vực yêu cầu cao về mỹ quan bao gồm:

+ Khu vực trung tâm hành chính (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, thị xã, huyện).

+ Khu vực các tuyến đường chính tại thành phố, thị xã, thị trấn các huyện.

+ Khu vực các khu di tích lịch sử, văn hóa, khu vực danh lam thắng cảnh: Bảo tàng Quang Trung – Điện Tây Sơn, khu du lịch Phương Mai, căn cứ Núi Bà, quần thể di tích Tháp Chăm, khu du lịch Vĩnh Hội....

+ Khu vực công viên, vườn hoa, quảng trường trung tâm.

+ Các khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan khác.

- Tại các khu vực này, quy hoạch trong giai đoạn 2016 – 2020, doanh nghiệp sẽ xây dựng, phát triển loại cột ăng ten không công kênh (A1); hạn chế, không chế số lượng cột ăng ten công kênh (A2) xây dựng, phát triển mới tại khu vực này. Từng bước chuyển đổi hệ thống hạ tầng cột ăng ten loại A2 hiện trạng sang cột ăng ten loại A1.

- Quy hoạch khu vực, tuyến đường, phố chỉ được phép lắp đặt cột ăng ten A1 bao gồm: 73 khu vực, tuyến đường, phố: Thành phố Quy Nhơn (33 khu vực, đường, phố), thị xã An Nhơn (10 khu vực, đường, phố), huyện Hoài Nhơn (3 khu vực, đường, phố), huyện Phù Mỹ (2 khu vực, đường, phố), huyện Phù Cát (9 khu vực, đường, phố), huyện Tuy Phước (6 khu vực, đường, phố), huyện Hoài Ân (1 khu vực, đường, phố), huyện Tây Sơn (5 khu vực, đường, phố), huyện An Lão (1 khu vực, đường, phố), huyện Vân Canh (2 khu vực, đường, phố), huyện Vĩnh Thạnh (1 khu vực, đường, phố).

**b) Cột ăng ten công kênh A2a:**

- Khu vực phát triển cột ăng ten loại A2a: Khu vực đô thị (không nằm trong khu vực lắp đặt cột ăng ten loại A1); khu vực nông thôn (khu vực các xã

trên địa bàn các huyện); khu vực có quỹ đất hạn chế, không đủ điều kiện để xây dựng lắp đặt cột ăng ten trên mặt đất.

- Khu vực đô thị: Phát triển cột ăng ten loại  $A2a \leq 15m$  ( $A2a_1$ ): Là cột ăng ten được lắp đặt trên các công trình xây dựng, không thuộc cột ăng ten loại A1; có vùng ảnh hưởng hoàn toàn nằm trong chính công trình đó và có chiều cao (h) của cột ăng ten (kể cả cột ăng ten, nhưng không bao gồm kim thu sét) nhỏ hơn hoặc bằng 15m ( $h \leq 15m$ ) nhưng chiều cao tối đa bao gồm cả chiều cao của công trình xây dựng không quá 25m.

- Khu vực nông thôn: Phát triển cột ăng ten loại  $A2a \leq 20m$  ( $A2a_2$ ): Là cột ăng ten được lắp đặt trên các công trình xây dựng, không thuộc cột ăng ten loại A1; có vùng ảnh hưởng hoàn toàn nằm trong chính công trình đó và có chiều cao (h) của cột ăng ten (kể cả cột ăng ten, nhưng không bao gồm kim thu sét) nhỏ hơn hoặc bằng 20m ( $h \leq 20m$ ) nhưng chiều cao tối đa bao gồm cả chiều cao của công trình xây dựng không quá 30m.

- Quy hoạch phát triển hạ tầng cột ăng ten A2a tại khu vực này chủ yếu theo hướng dùng chung (đặc biệt chú trọng tại khu vực đô thị và các khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan).

c) Cột ăng ten công kênh A2b:

- Khu vực phát triển cột ăng ten loại A2b: Khu vực đô thị (ngoại trừ các khu vực yêu cầu cảnh quan đô thị và khu vực các phường trung tâm); khu vực nông thôn (khu vực các xã trên địa bàn các huyện).

- Khu vực nông thôn xây dựng cột ăng ten loại A2b có chiều cao dưới 50m.

- Khu vực các xã có địa hình phức tạp, nhiều đồi núi cao, vùng sâu, vùng xa, các xã ven biển, xây dựng cột ăng ten loại A2b có chiều cao dưới 100m đảm bảo yêu cầu phủ sóng thông tin di động: bao gồm các xã có địa hình phức tạp, diện tích lớn, mật độ dân cư thưa thớt thuộc huyện An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh; các xã ven biển thuộc huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Hoài Nhơn.

- Quy hoạch khu vực, tuyến đường, phố chỉ được phép lắp đặt cột ăng ten A2 bao gồm: 159 khu vực, tuyến đường, phố: Thành phố Quy Nhơn (21 khu vực, đường, phố), thị xã An Nhơn (15 khu vực, đường, phố), huyện Hoài Nhơn (17 khu vực, đường, phố), huyện Phù Mỹ (19 khu vực, đường, phố), huyện Phù Cát (18 khu vực, đường, phố), huyện Tuy Phước (13 khu vực, đường, phố), huyện Hoài Ân (15 khu vực, đường, phố), huyện Tây Sơn (15 khu vực, đường, phố), huyện An Lão (10 khu vực, đường, phố), huyện Vân Canh (7 khu vực, đường, phố), huyện Vĩnh Thạnh (9 khu vực, đường, phố).

d) Cải tạo, sắp xếp hệ thống ăng ten thu phát sóng thông tin di động

- Tiêu chí thực hiện cải tạo:



+ Cột ăng ten trạm thu phát sóng thuộc khu vực đô thị, khu vực tập trung đông dân cư (khu vực trung tâm các phường, thị trấn các huyện, thị xã, thành phố).

+ Khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan: Khu trung tâm hành chính; khu di tích lịch sử văn hóa, khu du lịch.

+ Cột ăng ten trạm thu phát sóng có vị trí gần mặt đường, độ cao không hợp lý: ảnh hưởng tới mỹ quan.

- Phương hướng thực hiện cải tạo:

+ Cải tạo cột ăng ten trạm thu phát sóng loại A2a thành cột ăng ten loại A1a, A1b để đảm bảo mỹ quan đô thị; cải tạo theo lộ trình thực hiện quy hoạch.

+ Sử dụng chung cơ sở hạ tầng: chuyển các cột ăng ten trạm thu phát sóng không đảm bảo mỹ quan, các cột ăng ten có khoảng cách quá gần nhau về vị trí mới phù hợp hơn (vị trí có đủ điều kiện về cơ sở hạ tầng cho các doanh nghiệp dùng chung; vị trí đảm bảo yêu cầu về mỹ quan).

- Lộ trình triển khai:

+ Giai đoạn 2017 - 2018: Cải tạo thí điểm 12 cột ăng ten loại A2a hiện trạng tại khu vực trung tâm thành phố Quy Nhơn.

+ Giai đoạn 2018 - 2020: cải tạo 49 cột ăng ten loại A2a hiện trạng tại khu vực trung tâm thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn và các huyện, các khu du lịch trọng điểm của tỉnh.

### **3. Quy hoạch cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm**

**a) Quy hoạch khu vực, tuyến, hướng được xây dựng mới tuyến cột treo cáp viễn thông:**

- Khu vực, tuyến, hướng tại vùng nông thôn.

- Khu vực các tuyến đường liên thôn, liên xã xây dựng mới, mở rộng, kéo dài tại khu vực nông thôn.

- Khu vực hệ thống cột điện lực không đủ điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung hạ tầng hoặc khu vực không có hệ thống cột điện lực.

- Khu vực các xã ven biển (ngoại trừ các khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan).

- Khu vực, tuyến, hướng có địa hình khó khăn, phức tạp, nhiều đồi núi, bị chia cắt mạnh, không thể triển khai ngầm hóa.

- Ngoài những khu vực quy hoạch ngầm hóa mạng cáp viễn thông, khu vực các tuyến đường nhánh tại các huyện, thị xã.

- Không phát triển mới tuyến cột treo cáp viễn thông tại khu vực đô thị.

**b) Quy hoạch khu vực, tuyến, hướng được treo cáp trên cột điện**

- Khu vực không còn khả năng đi ngầm cáp trong các công trình ngầm tại khu vực đô thị.
- Khu vực không thể xây dựng tuyến cột treo cáp viễn thông riêng biệt tại khu vực đô thị.
- Khu vực chưa thể xây dựng hạ tầng cống bể để hạ ngầm cáp viễn thông.
- Khu vực có nhu cầu sử dụng dịch vụ thấp: khu vực nông thôn.
- Không phát triển mới tuyến cáp thông tin treo trên cột điện tại khu vực đô thị.

**c) Quy hoạch khu vực, tuyến, hướng ngầm hóa các tuyến cáp treo**

- Khu vực Ủy ban nhân dân tỉnh; các khu vực trung tâm hành chính.
- Khu vực thành phố Quy Nhơn; các tuyến đường chính tại khu vực đô thị, khu vực trung tâm các huyện, thị xã.
- Khu vực công viên, quảng trường.
- Khu vực các khu di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh có yêu cầu cao về bảo vệ cảnh quan, mỹ quan đô thị: Bảo tàng Quang Trung, Căn cứ Núi Bà, Hệ thống di tích các Tháp Chăm, khu du lịch Phương Mai, khu du lịch Vĩnh Hội, khu du lịch Tân Thanh, khu danh thắng Ghềnh Ráng...
- Khu vực các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.
- Khu vực các khu đô thị, khu dân cư mới: Khu đô thị mới Nhơn Hội, khu tái định cư Nhơn Phước.
- Khu vực các tuyến đường trục chạy qua trung tâm các huyện, thị xã, thành phố: quốc lộ 1A, quốc lộ 19, quốc lộ 19B, quốc lộ 19C...

**d) Quy hoạch khu vực, tuyến, hướng xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm**

- Khu vực các đô thị, khu dân cư mới: tại xã Cát Tiến (huyện Phù Cát) được phát triển thành thị trấn mới; phường Bình Định (thị xã An Nhơn), thị trấn Phú Phong (huyện Tây Sơn) được phát triển thành thị xã trong giai đoạn đến năm 2020.
- Khu vực các tuyến đường xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hoặc mở rộng: quốc lộ 1A, quốc lộ 19, quốc lộ 19B, quốc lộ 19C, đường tỉnh 629, đường tỉnh 630, đường tỉnh 636, đường tỉnh 636B, đường tỉnh 640...
- Khu vực các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được xây dựng, nâng cấp, mở rộng: Khu kinh tế Nhơn Hội, khu công nghiệp Nhơn Hòa, khu công nghiệp Cát Trinh, khu công nghiệp Hòa Hội, khu công nghiệp Bồng Sơn, khu công nghiệp Bình Nghi...

### ***đ) Quy hoạch xây dựng hệ thống công trình ngầm***

Xây dựng hệ thống công trình ngầm tại 99 khu vực, tuyến đường, phố trên toàn tỉnh với tổng chiều dài 232 km: Thành phố Quy Nhơn (40 khu vực, đường, phố), thị xã An Nhơn (12 khu vực, đường, phố), huyện Hoài Nhơn (6 khu vực, đường, phố), huyện Phù Mỹ (8 khu vực, đường, phố), huyện Phù Cát (12 khu vực, đường, phố), huyện Tuy Phước (9 khu vực, đường, phố), huyện Hoài Ân (3 khu vực, đường, phố), huyện Tây Sơn (10 khu vực, đường, phố), huyện An Lão (1 khu vực, đường, phố), huyện Vân Canh (3 khu vực, đường, phố), huyện Vĩnh Thạnh (1 khu vực, đường, phố).

### ***e) Cải tạo, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông***

- Khu vực cải tạo: Triển khai cải tạo, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông tại khu vực thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, khu vực trung tâm các huyện và các khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan.

- Phương thức cải tạo:

+ Loại bỏ các sợi cáp, cáp không còn sử dụng.

+ Buộc gọn hệ thống dây cáp.

- Quá trình cải tạo, di chuyển, sắp xếp các đường dây, cáp nổi (cáp viễn thông, cáp truyền hình) trên các khu vực, tuyến đường phố phải đáp ứng các yêu cầu:

+ Phải đảm bảo sự kết nối với hệ thống đường dây, đường cáp chung của đô thị; đảm bảo yêu cầu về an toàn kỹ thuật, quản lý vận hành và mỹ quan đô thị.

+ Khi cải tạo, sắp xếp các đường dây, đường cáp nổi phải gắn thẻ nhựa hoặc biển nhựa ghi tên của đơn vị quản lý đường dây, đường cáp ở vị trí dễ nhận biết để thuận tiện cho việc quản lý, vận hành.

- Lộ trình cải tạo:

+ Giai đoạn 2017 – 2018: Triển khai cải tạo, chỉnh trang hạ tầng mạng cáp viễn thông tại khu vực thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn.

+ Giai đoạn 2018 – 2020: Hoàn thiện cải tạo, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông tại khu vực trung tâm các huyện, các đô thị mới trên địa bàn toàn tỉnh.

## **IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025**

### **1. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng**

- Quy hoạch điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ: tiếp tục phát triển rộng khắp trên địa bàn tỉnh; đa dạng hóa và nâng cao các loại hình dịch vụ, phổ cập dịch vụ tới mọi người dân.

- Quy hoạch điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ: Quy hoạch việc lắp đặt quy hoạch xây dựng, lắp đặt Trạm Điện thoại – Thông tin (Trạm thông tin đa năng) tại các khu vực đô thị mới phát triển, khu đô



thị dân cư mới, khu di tích, khu du lịch trên địa bàn tỉnh, cho người dân và du khách khi đến thăm quan; cung cấp đến người dân dịch vụ điện thoại khẩn cấp.

**Lộ trình thực hiện:**

+ Giai đoạn 2021 – 2023: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm viễn thông công cộng không có người phục vụ đạt trên 80% số xã.

+ Giai đoạn 2024 – 2025: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm viễn thông công cộng không có người phục vụ đạt 100% số xã.

Việc lắp đặt các Trạm Điện thoại – Thông tin sẽ căn cứ vào tình hình thực tế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, nhu cầu sử dụng dịch vụ của từng địa bàn cụ thể.

## **2. Cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động**

- Phát triển hạ tầng viễn thông thụ động theo hướng sử dụng chung: các doanh nghiệp phối hợp cùng đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng (nhà trạm, cột ăng ten...) và sử dụng chung, phân chia theo tỷ lệ nguồn vốn đóng góp hoặc theo thỏa thuận giữa các doanh nghiệp.

- Mở rộng khu vực phát triển cột ăng ten loại A1, đặc biệt là cột ăng ten thân thiện với môi trường, tập trung vào các đô thị lớn như: thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn và trung tâm các huyện; đồng thời phát triển cột ăng ten loại A1 đến tất cả khu vực, tuyến đường, phố có định hướng phát triển lên đô thị như: Gò Bồi, Phước Lộc, Đồng Phó, An Thái, Gò Loi, Xuân Phong, Cát Khánh, An Lương, Bình Dương và Chợ Gồm...

**\* Lộ trình thực hiện:**

+ Giai đoạn 2021 – 2023: Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng hệ thống cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động đạt khoảng 40%.

+ Giai đoạn 2024 – 2025: Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng hệ thống cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động đạt khoảng 50%.

- Phát triển mạnh hạ tầng cột ăng ten không công kênh, cột ăng ten thu phát sóng ngay trang đến khu vực trung tâm các huyện: cột ăng ten có kích thước và quy mô nhỏ gọn, thân thiện môi trường, ngay trang ẩn vào các công trình kiến trúc và cảnh quan xung quanh, đảm bảo mỹ quan đô thị.

**\* Lộ trình thực hiện:**

+ Giai đoạn 2021 – 2025: Hầu hết các khu vực, tuyến đường, phố chính thuộc trung tâm thành phố, trung tâm các huyện; khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan; khu du lịch, khu di tích: các doanh nghiệp chỉ được phát triển cột ăng ten không công kênh (A1); đồng thời tiến hành cải tạo cột ăng ten A2 tại các khu vực này.

+ Thực hiện cải tạo, chuyển đổi 45 – 50 % hệ thống cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động cột ăng ten loại công kênh (A2) sang loại cột ăng ten không công kênh (A1) theo hướng thân thiện môi trường, đảm bảo mỹ quan đô

thị tại các khu vực, tuyến đường, phố trên địa bàn toàn tỉnh, nhất là tại các đô thị.

- Ứng dụng và phát triển các giải pháp kiến trúc mạng truy nhập vô tuyến mới (lightRadio, cloud RAN...) giảm thiểu số lượng các nhà trạm thông tin di động, giảm chi phí về năng lượng, chi phí thuê địa điểm, chi phí bảo vệ:

- + Vật tư, trang thiết bị có kích thước nhỏ gọn.

- + Tiết kiệm năng lượng.

- + Thân thiện môi trường.

- + Tiết kiệm chi phí đầu tư.

- + Nâng cao chất lượng dịch vụ: tăng băng thông cho mỗi thuê bao qua việc triển khai các ăng-ten cỡ nhỏ khắp mọi nơi.

- Phát triển hệ thống ăng ten trạm thu phát sóng theo công nghệ đa tần: một ăng ten có thể thu phát trên nhiều dải tần khác nhau. Đây là cơ sở để các doanh nghiệp đầu tư sử dụng chung hạ tầng, tiết kiệm chi phí (nhiều doanh nghiệp cùng sử dụng chung hạ tầng một ăng ten, mỗi doanh nghiệp thu phát trên một băng tần khác nhau).

- Phát triển mạng thế hệ mới NGN (Next Generation Network) dựa trên công nghệ IP/MPLS, tích hợp các dịch vụ giá trị gia tăng.

- Phát triển các dịch vụ mạng băng rộng, phát triển thiết bị viễn thông theo xu hướng hội tụ.

- Phát triển mạng di động công nghệ thế hệ sau, băng thông rộng, tốc độ cao, xây dựng theo mô hình hệ thống mở, tích hợp các mạng không dây khác nhau cho phép truyền dữ liệu đa phương tiện, đa dịch vụ trên nền tảng IP.

### **3. Cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm**

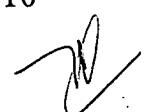
- Xây dựng, phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, ngầm hóa mạng cáp ngoại vi trên diện rộng trên địa bàn tỉnh; đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Phát triển mạnh công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm liên ngành sử dụng chung: doanh nghiệp viễn thông phối hợp với các ngành liên quan (giao thông, điện, cấp thoát nước...) cùng đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm và sử dụng chung.

- Ứng dụng các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại trong xây dựng phát triển hạ tầng mạng cáp ngoại vi: kỹ thuật khoan ngầm, khoan tịnh tiến, công nghệ PON...

- Cáp quang hoá hầu hết hệ thống mạng ngoại vi khu vực tỉnh đến tủ chia cáp và đến từng đường dây thuê bao.

- Cải tạo, chỉnh trang hệ thống cáp treo tại khu vực thành phố, khu vực trung tâm các huyện chưa có khả năng ngầm hóa.



- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông mới tham gia thị trường, đầu tư vào tỉnh, nhằm nâng cao tính cạnh tranh các doanh nghiệp viễn thông.

- Doanh nghiệp trên thị trường phát triển theo hướng phân tách: doanh nghiệp xây dựng phát triển hạ tầng và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ. Trên thị trường hình thành doanh nghiệp chuyên xây dựng và phát triển hạ tầng, sau đó cho các doanh nghiệp khác thuê lại hạ tầng để cung cấp dịch vụ.

- Xây dựng, phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, ngầm hóa mạng cáp trên diện rộng trên địa bàn tỉnh; đảm bảo mỹ quan đô thị: Đoạn từ giao quốc lộ 1 đến thị trấn Phú Phong theo tiêu chuẩn đường đô thị, tuyến đường vành đai thành phố Quy Nhơn có hướng tuyến từ giao cắt quốc lộ 19B với cầu Thị Nại, qua cầu Thị Nại đi theo hướng tuyến quốc lộ 19 mới đến giao cắt với đường Điện Biên Phủ kéo dài, đi theo hướng tuyến của đường Điện Biên Phủ qua núi Vững Chua, đầu nối vào quốc lộ 1...

## **V. GIẢI PHÁP**

### **1. Giải pháp về quản lý nhà nước**

#### **a) Tuyên truyền**

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, các quy định, chính sách về phát triển viễn thông nói chung và phát triển hạ tầng viễn thông thụ động nói riêng đến mọi người dân nhằm thực hiện hiệu quả các chính sách, pháp luật về viễn thông thụ động. Đối với những tuyến đường cần giải phóng mặt bằng, sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới hạ tầng viễn thông cần phải tuyên truyền đến mọi người dân đầy đủ thông tin, giải đáp thắc mắc, tránh khiếu kiện gây khó khăn và kéo dài thời gian thi công.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phát triển viễn thông nói chung và phát triển hạ tầng viễn thông thụ động nói riêng đến các sở, ban, ngành liên quan nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan trên cơ sở tuân thủ pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt quy hoạch, đầu tư, phát triển hiệu quả, bền vững; xây dựng đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo hành lang pháp lý cho doanh nghiệp trong việc phát triển hạ tầng theo hướng sử dụng chung, tiết kiệm cho xã hội.

#### **b) Cơ chế chính sách**

- Quy định về quản lý trạm thu phát sóng thông tin di động (trạm BTS) trên cơ sở Thông tư số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22/6/2016 về Hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

- Các quy chế phối hợp giữa các sở, ngành và các doanh nghiệp trong xây dựng và quản lý hạ tầng viễn thông.

- Quy định về xây dựng, ngầm hóa mạng cáp ngoại vi.

- Quy định về cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

- Quy định ưu đãi đối với doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng sử dụng chung, đầu tư tại miền núi, vùng sâu, vùng xa.
- Quy định về giá cho thuê hạ tầng viễn thông trên cơ sở cụ thể hóa Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và các quy định về luật giá.

**c) Thanh tra, kiểm tra**

Tăng cường thanh tra, kiểm tra các hoạt động xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông thụ động tại địa phương; xử lý nghiêm đối với các doanh nghiệp vi phạm quy định của pháp luật trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng hạ tầng viễn thông.

**d) Ứng dụng công nghệ trong quản lý viễn thông**

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước: Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý phát triển hạ tầng viễn thông thụ động dựa trên bản đồ số; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành viễn thông (đặc biệt là cơ sở dữ liệu về các tuyến cáp ngầm nhằm tăng cường mức độ sử dụng chung cơ sở hạ tầng đối với các doanh nghiệp viễn thông).

**2. Sử dụng chung hạ tầng mạng viễn thông**

a) Sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đối với những công trình mới xây dựng, các công trình đã xây dựng và đang sử dụng sẽ do doanh nghiệp tự quyết định.

b) Triển khai sử dụng chung hạ tầng từ thời điểm xây dựng hạ tầng viễn thông, các doanh nghiệp tham gia sử dụng chung hạ tầng phải cùng đầu tư xây dựng hạ tầng và chia sẻ sử dụng theo mức đầu tư.

c) Các doanh nghiệp không tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng phải chấp nhận mức giá cho thuê hạ tầng viễn thông (Sở Tài chính phối hợp Sở, ban ngành tham mưu với Ủy ban nhân tỉnh ban hành khung giá, phương pháp tính giá cho thuê hạ tầng viễn thông).

d) Đối với hạ tầng công, bề cáp trong các trường hợp cải tạo, nâng cấp, sửa chữa và xây mới cần thiết phải có sự phù hợp với từng vị trí, từng tuyến đường, từng khu vực đảm bảo việc phát triển hạ tầng phù hợp và có tính đến yếu tố duy tu, sửa chữa và nâng cấp một cách dễ dàng, thời gian thi công nhanh, ít ảnh hưởng đến cộng đồng. Hạ tầng công, bề cáp có thể xây dựng dưới dạng hầm hào kỹ thuật hoặc chôn cáp trực tiếp.

**3. Giải pháp thực hiện đồng bộ quy hoạch**

a) Các Sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải các thông tin về kế hoạch và tiến độ xây dựng hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm giám sát, yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông bám sát vào kế hoạch xây dựng của các ngành có liên quan (giao thông, đô thị...) để triển khai thực hiện đồng bộ quá trình xây dựng các công trình viễn thông.



c) Các doanh nghiệp viễn thông xây dựng hạ tầng cùng với quá trình xây dựng các công trình khác.

#### **4. Huy động nguồn vốn đầu tư**

a) Nguồn lực đầu tư: Đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư, trọng tâm là các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp xây dựng hạ tầng, nguồn đầu tư nước ngoài (gắn kết hạ tầng viễn thông với hạ tầng giao thông). Kết hợp với việc ban hành các văn bản về giá và ưu đãi đầu tư công khai, minh bạch để chủ đầu tư yên tâm khi thực hiện đầu tư.

b) Hình thức đầu tư: ngoài các hình thức đầu tư truyền thống từ vốn huy động trong nước (các doanh nghiệp viễn thông, các doanh nghiệp xây dựng), vốn huy động nước ngoài (vay quốc tế, phát hành trái phiếu, đầu tư trực tiếp nước ngoài) cần gắn kết hạ tầng viễn thông với hạ tầng giao thông, xây dựng nhằm thu hút nguồn lực đầu tư thông qua hình thức đối tác công tư (PPP) theo Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2016 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

c) Cơ chế huy động vốn đầu tư: Áp dụng cơ chế lồng ghép, kết hợp thực hiện các dự án khác nhau giữa nguồn vốn nhà nước và vốn doanh nghiệp nhưng có thể chia sẻ, dùng chung cơ sở hạ tầng. Vốn nhà nước đầu tư phát triển hệ thống giao thông, cột đèn chiếu sáng, ngầm hóa lưới điện, các doanh nghiệp viễn thông có thể sử dụng chung cột điện, cột đèn chiếu sáng để gắn các loại ăng ten, sử dụng chung hạ tầng ngầm giao thông, công trình ngầm lưới điện, hệ thống thoát nước để ngầm hóa cáp viễn thông. Các doanh nghiệp viễn thông có thể chia sẻ, dùng chung cột ăng ten để phát sóng... Điều này giúp tiết kiệm chi phí đầu tư và sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng.

#### **5. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực**

a) Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ chuyên trách trong lĩnh vực quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

b) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước: Định hướng doanh nghiệp phát triển mạng lưới theo hoạch định; đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ với phát triển hạ tầng kinh tế xã hội của tỉnh.

c) Từng bước đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất tốt, làm chủ công nghệ hiện đại, vững vàng về quản lý kinh tế, khai thác hiệu quả mạng lưới hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

d) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động cấp huyện (cán bộ quản lý chuyên trách): phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông quản lý việc xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.

đ) Tăng cường phối hợp giữa các ngành, các địa phương trong và ngoài tỉnh, đảm bảo tạo dựng mối liên kết, tăng cường hợp tác...thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững của địa phương và của vùng.

#### **6. Giải pháp khoa học công nghệ, môi trường**



a) Phát triển công nghệ viễn thông đi đôi với sử dụng hiệu quả hạ tầng: công nghệ vô tuyến băng rộng, công nghệ truyền dẫn cáp quang (thay thế cáp đồng), cáp ngầm... Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, phát triển hạ tầng trạm thu phát sóng ứng dụng công nghệ xanh, thân thiện môi trường, trạm nguy trang, trạm sử dụng chung cơ sở hạ tầng, đảm bảo mỹ quan đô thị.

b) Ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ mới trong triển khai ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi: kỹ thuật ngoan ngầm, khoan định hướng...

c) Sử dụng các trang, thiết bị kỹ thuật hiện đại, các công nghệ mới (như RFID...) để tăng cường đo kiểm, giám sát, quản lý từ xa đối với hệ thống thiết bị và hạ tầng mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý phát triển hạ tầng mạng viễn thông: quản lý dựa trên bản đồ số; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử; phần mềm quản lý hạ tầng mạng viễn thông.

## **7. Giải pháp an toàn, an ninh thông tin, đảm bảo an ninh quốc phòng**

a) Phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quy hoạch, xây dựng và bảo vệ hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Phân công trách nhiệm trong quản lý, khai thác, đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

b) Phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ của Công an, Quân đội tiến hành ngăn chặn và ngừng cung cấp dịch vụ đối với những trường hợp sử dụng dịch vụ viễn thông và Internet xâm phạm ANQP.

c) Hỗ trợ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ kỹ thuật nghiên cứu giải pháp kỹ thuật đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên mạng viễn thông và Internet.

d) Doanh nghiệp viễn thông xây dựng các phương án hoạt động dự phòng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi xảy ra thiên tai, sự cố.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch trên địa bàn tỉnh. Căn cứ vào tình hình thực tế phát triển kinh tế, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để đề xuất UBND tỉnh về các kế hoạch, giải pháp thực hiện Quy hoạch; báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp (nếu cần thiết).

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị có mạng cáp thông tin hạ ngầm hệ thống mạng cáp thông tin theo các khu vực quy định. Đối với các khu vực chưa thể hạ ngầm, các doanh nghiệp tiến hành bó gọn, cải tạo đảm bảo an toàn và nâng cao mỹ quan đô thị; giải quyết khó khăn vướng mắc trong quá trình đầu tư và sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện: công bố quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, trong đó có danh mục các tuyến hạ tầng kỹ thuật dùng chung; tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định về quản lý hạ tầng viễn thông thụ động, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, các quy chế phối hợp xây dựng hạ tầng với các ngành điện, cấp nước, thoát nước; chỉ đạo việc ngầm hóa mạng cáp ngoại vi và sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, điện lực, giao thông theo quy định...

đ) Phối hợp với UBND cấp huyện và các Sở, ban, ngành có liên quan trong việc cấp giấy phép xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn theo Thông tư số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22/6/2016 về Hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

e) Theo chức năng nhiệm vụ, chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hiệp thương giá theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc đề nghị của bên thuê và bên cho thuê; kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT và các văn bản pháp luật có liên quan.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thuộc trách nhiệm đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh.

## **3. Sở Tài Chính**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối và bố trí nguồn vốn, kịp thời thực hiện các dự án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý, kiểm soát giá theo quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và các văn bản pháp luật có liên quan.

## **4. Sở Giao thông vận tải**

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp huyện và các doanh nghiệp Viễn thông xây dựng các chương trình, đề án, quy định xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với kế hoạch của từng thời kỳ.

b) Khi thẩm định dự án đầu tư hạ tầng giao thông, phải tính toán, lồng ghép với hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có liên quan theo quy hoạch được duyệt trên cơ sở ý kiến đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông.

c) Công bố các quy hoạch phát triển giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh trong từng giai đoạn, làm cơ sở cho các doanh nghiệp viễn thông xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ.

d) Khi triển khai cải tạo, nâng cấp các tuyến đường, thông báo Sở Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông có liên quan để các doanh nghiệp viễn thông thực hiện di dời, cải tạo hạ tầng đồng bộ.

đ) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đưa các nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có liên quan vào quy hoạch giao thông chi tiết tỷ lệ 1/2.000, 1/500 của địa phương.

### **5. Sở Xây dựng**

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan trong việc cấp giấy phép xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22/6/2016 về Hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với quy hoạch, kiến trúc và cảnh quan đô thị của tỉnh.

b) Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị phải lồng ghép nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ với các quy hoạch hạ tầng kỹ thuật khác (điện, cấp nước, thoát nước...).

c) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hiệp thương giá theo quy định hoặc theo đề nghị của các bên thuê và cho thuê.

### **6. Ban quản lý Khu kinh tế**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp Viễn thông thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm để đi ngầm hệ thống cáp viễn thông và ngầm hoá các tuyến cáp treo tại khu vực khu kinh tế Nhơn Hội và các khu chức năng trong khu kinh tế Nhơn Hội, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch được phê duyệt.

### **7. Các Sở, ban, ngành, đơn vị**

Các Sở, ngành, đơn vị trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc thực hiện Quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

### **8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan hỗ trợ các doanh nghiệp Viễn thông triển khai thực hiện quy hoạch trên địa bàn quản lý; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai xây dựng phát triển hạ tầng mạng viễn thông tại các khu vực điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn...; quản lý việc xây dựng phát triển hạ tầng mạng viễn thông trên địa bàn; đảm bảo mỹ quan đô thị, đảm bảo cảnh quan kiến trúc.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan trong việc cấp giấy phép xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ

động trên địa bàn theo Thông tư số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22/6/2016 về Hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan quản lý việc xây dựng ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi trên địa bàn theo quy hoạch được duyệt.

### **9. Các doanh nghiệp viễn thông**

a) Căn cứ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch phát triển phù hợp với định hướng phát triển của ngành và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xây dựng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương của doanh nghiệp, gửi Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định để trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Định kỳ báo cáo việc thực hiện Quy hoạch và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông.

c) Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị có liên quan và các doanh nghiệp khác, đàm phán cùng đầu tư xây dựng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng; chủ động phản ánh các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện và kiến nghị, đề xuất giải quyết hoặc hỗ trợ tháo gỡ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng; Trưởng ban Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP CN;
- Các DN viễn thông;
- TT Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT, K9.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Định V/v phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thu động tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2025)

Đơn vị tính: tỷ đồng

| TT | Dự án                                                              | Nguồn vốn            |                      |                                | Nhu cầu đầu tư | Thời gian thực hiện |
|----|--------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|--------------------------------|----------------|---------------------|
|    |                                                                    | Ngân sách Trung ương | Ngân sách địa phương | Nguồn vốn doanh nghiệp, xã hội |                |                     |
| 1  | Công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia    | 110                  |                      |                                | 110            | 2017-2020           |
| 2  | Xây dựng điểm giao dịch viễn thông có người phục vụ                |                      |                      | 27,2                           | 27,2           | 2017-2020           |
| 3  | Xây dựng hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động       |                      |                      | 130                            | 130            | 2017-2020           |
| 4  | Cải tạo cột ăng ten                                                |                      |                      | 30,5                           | 30,5           | 2017-2020           |
| 5  | Hạ tầng cột treo cáp                                               |                      |                      | 25                             | 25             | 2017-2020           |
| 6  | Chỉnh trang mạng cáp treo                                          |                      |                      | 6                              | 6              | 2017-2020           |
| 7  | Công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm                                   |                      |                      | 232                            | 232            | 2017-2020           |
| 8  | Lắp đặt điểm truy nhập Internet không dây                          |                      | 2,128                | 0,532                          | 2,66           | 2017-2020           |
| 9  | Nâng cao năng lực quản lý nhà nước để quản lý, thực hiện quy hoạch |                      | 6,055                |                                | 6,055          | 2017-2020           |
| 10 | Quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông bằng bản đồ số                 |                      | 1                    |                                | 1              | 2017-2018           |
| 11 | <b>Tổng</b>                                                        | <b>110</b>           | <b>9,183</b>         | <b>451,232</b>                 | <b>570,415</b> |                     |